

BỘ XÂY DỰNG
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG HÀ NỘI - CTCP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ 1/2016

HÀ NỘI THÁNG 04 NĂM 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4,366,901,388,693	4,300,243,980,874
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		214,052,669,443	254,875,403,305
111	1 Tiền	3	214,052,669,443	254,875,403,305
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	88,414,046,479	8,414,046,479
123	3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		88,414,046,479	8,414,046,479
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2,940,158,007,860	3,035,448,141,446
131	1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1,758,748,447,057	1,995,692,192,517
132	2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	616,506,483,652	458,978,095,246
135	5 Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	
136	6 Phải thu ngắn hạn khác	7	565,711,932,791	580,935,023,041
137	7 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(808,855,640)	(157,169,358)
140	IV. Hàng tồn kho	8	1,094,433,322,535	999,943,398,509
141	1 Hàng tồn kho		1,094,433,322,535	999,943,398,509
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29,843,342,376	1,562,991,135
151	1 Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	253,011,176
152	2 Thuế GTGT được khấu trừ		24,027,811,571	1,307,579,959
155	5 Tài sản ngắn hạn khác		5,815,530,805	
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1,473,239,274,457	1,471,547,955,054
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1,000,000,000	1,000,000,000
216	6 Phải thu dài hạn khác	7	1,000,000,000	1,000,000,000
220	II. Tài sản cố định		54,314,679,825	54,428,269,575
221	1 Tài sản cố định hữu hình	10	50,776,981,922	50,890,571,672
222	- Nguyên giá		89,777,059,171	89,893,850,080
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(39,000,077,249)	(39,003,278,408)
227	3 Tài sản cố định vô hình	11	3,537,697,903	3,537,697,903
228	- Nguyên giá		4,186,700,000	4,186,700,000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(649,002,097)	(649,002,097)
230	III. Bất động sản đầu tư		253,194,291,743	253,194,291,743
231	- Nguyên giá		268,704,578,712	268,704,578,712

232	-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(15,510,286,969)	(15,510,286,969)
240	IV.	Tài sản dở dang dài hạn	1,298,870,455	560,150,000
242	2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1,298,870,455	560,150,000
250	V.	Đầu tư tài chính dài hạn	1,018,018,052,418	1,017,018,052,418
251	1	Đầu tư vào công ty con	157,012,240,855	156,012,240,855
252	2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	856,276,366,403	856,276,366,403
253	3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	242,772,590,637	242,772,590,637
254	4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	(238,043,145,477)	(238,043,145,477)
260	VI.	Tài sản dài hạn khác	145,413,380,016	145,347,191,318
261	1	Chi phí trả trước dài hạn	142,476,966,266	142,410,777,568
262	2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	2,936,413,750	2,936,413,750
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5,840,140,663,151	5,771,791,935,928

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		4,315,497,209,894	4,248,141,894,722
310	I. Nợ ngắn hạn		3,665,758,697,698	3,751,820,834,577
311	1 Phải trả người bán ngắn hạn	14	337,246,039,615	532,082,438,084
312	2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	898,969,789,973	630,858,218,267
313	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1,010,647,466,983	1,030,849,716,061
314	4 Phải trả người lao động		2,163,208,418	10,131,733,045
315	5 Chi phí phải trả ngắn hạn	17	915,288,290,199	1,004,464,353,467
318	8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	32,772,728
319	9 Phải trả ngắn hạn khác	18	37,254,662,230	65,377,772,980
320	10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	462,634,858,807	476,059,902,441
322	12 Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,554,381,473	1,963,927,504
330	II. Nợ dài hạn		649,738,512,196	496,321,060,145
336	6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	366,939,084,693	303,536,181,055
338	8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	282,799,427,503	192,784,879,090
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1,524,643,453,257	1,523,650,041,206
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	1,524,643,453,257	1,523,650,041,206
411	1 Vốn góp của chủ sở hữu		1,410,480,000,000	1,410,480,000,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1,410,480,000,000	1,410,480,000,000
418	8 Quỹ đầu tư phát triển		5,413,630,964	5,413,630,964
421	11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		108,749,822,293	107,756,410,242
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		107,756,410,242	9,430,387,428
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		993,412,051	98,326,022,814
422	12 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5,840,140,663,151	5,771,791,935,928

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

Nguyễn Quang Huy
Người lập

Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng

Đậu Văn Diện
Tổng giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 1/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2016	31/03/2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	74,648,314,735	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		74,648,314,735	-
11	4. Giá vốn hàng bán	22	72,712,988,418	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1,935,326,317	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	7,226,376,087	
22	7. Chi phí tài chính	24	2,044,057,397	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2,044,057,397	
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8,122,249,715	
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,004,604,708)	-
31	11. Thu nhập khác	26	2,662,180,903	
32	12. Chi phí khác	27	664,164,144	
40	13. Lợi nhuận khác		1,998,016,759	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		993,412,051	-
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		993,412,051	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016


Nguyễn Quang Huy
Người lập


Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng


Đậu Văn Diện
Tổng giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Quý 1/2016**(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/03/2016
			VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		645,874,510,323
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(245,034,802,270)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8,449,535,000)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(7,447,826,700)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(11,570,643,494)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		955,781,574
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(153,017,086,666)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>221,310,397,767</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1,000,000,000)
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		355,827,652
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(644,172,348)</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(220,666,225,419)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(220,666,225,419)</i>

50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(40,822,733,862)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	254,875,403,305
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<u><u>214,052,669,443</u></u>



Nguyễn Quang Huy
Người lập



Dương Ngọc Quang
Kế toán trưởng



Đậu Văn Diện
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP là Công ty Cổ phần chuyển đổi từ Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội trước đây là Tổng Công ty Nhà nước chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và của các cơ quan quản lý Nhà nước khác theo pháp luật, được thành lập theo quyết định số 990/BXD-TCLĐ ngày 20 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106338 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 05 năm 1996, đăng ký thay đổi lần thứ mười ngày 15 tháng 08 năm 2014.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.410.480.000.000 đồng; tương đương 141.048.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp, kinh doanh bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

[Chỉ ghi các ngành nghề kinh doanh thực tế đơn vị có hoạt động]

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình hữu ích;
- Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản;
- Quản lý và vận hành nhà chung cư.

Cấu trúc doanh nghiệp**Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Ban quản lý các Dự án Phát triển Nhà và Đô thị

Địa chỉ

Dự án Khu Đoàn Ngoại Giao – Xuân Đình
– Từ Liêm – Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Quản lý dự án

Xí nghiệp Dịch vụ Đô thị và Nhà ở

Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội

Quản lý, vận hành dự án

Công ty Xây dựng Quốc tế

Số B3B - Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội

Xây dựng

Trung Tâm Điều hành và Quản lý dự án

Số 57 phố Quang Trung - TP Hà Nội

Xây dựng

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 11 đường D1, phường 25, Bình Thạnh, TP. HCM

Xây dựng

Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - HancorpI

Số 57 phố Quang Trung - TP Hà Nội

Xây dựng

Trung tâm tư vấn Khoa học Công nghệ Đào tạo và Xuất nhập khẩu (Hantech)

Làng Quốc tế Thăng Long - Cầu Giấy - Hà Nội

Tư vấn

Thông tin về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

• **2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

• **2.4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con (Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

• **2.5. Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chí phí phát hành cộng các chí phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chí phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chí phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

• **2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

• **2.7. Các khoản đầu tư tài chính**

• *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

• *Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sở kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được thực hiện ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính và tăng giá trị khoản đầu tư tương ứng với số tiền cổ tức được chia.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành/ hoặc chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành/ hoặc chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền./hoặc theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành tương đương.

2.10. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |

- Thiết bị văn phòng
- Quyền sử dụng đất
- Phần mềm quản lý

03 - 10 năm
Không khấu hao
05 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

- * Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc

10 - 25 năm

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.13. Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán năm được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

2.15. Chi phí phải trả

- * Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

- * Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Tổng Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Tổng Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;

- Chi phí đi vay vốn;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế

- * Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	1,002,200,598	2,198,443,700
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	213,050,468,845	252,676,959,605
Tiền đang chuyển		-
Các khoản tương đương tiền		-
	214,052,669,443	254,875,403,305

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	8,414,046,479	8,414,046,479	8,414,046,479	8,414,046,479
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	8,414,046,479	8,414,046,479	8,414,046,479	8,414,046,479
	8,414,046,479	8,414,046,479	8,414,046,479	8,414,046,479

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng được giữ lại 10% để bảo lãnh thực hiện hợp đồng và coi như khoản tiền gửi 3 tháng

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	157,012,240,855	(4,459,173,328)	156,012,240,855	(4,459,173,328)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	82,095,789,185	-	82,095,789,185	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây	21,994,847,363	-	21,994,847,363	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	5,921,604,307	(2,678,180,700)	5,921,604,307	(2,678,180,700)
Công ty Cổ phần Hancorp	9,000,000,000	(487,742,566)	9,000,000,000	(487,742,566)
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng	32,000,000,000	(1,293,250,062)	32,000,000,000	(1,293,250,062)
Công ty TNHH MTV Hancorp 3	4,000,000,000	-	4,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Hantech	2,000,000,000	-	1,000,000,000	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	856,276,366,403	(125,506,892,110)	856,276,366,403	(125,506,892,110)
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	17,841,887,253	-	17,841,887,253	-
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây	41,757,189,732	-	41,757,189,732	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	11,400,506,542	(1,693,445,350)	11,400,506,542	(1,693,445,350)
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	10,863,949,071	(799,071,316)	10,863,949,071	(799,071,316)
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	59,604,971,098	(1,775,766,985)	59,604,971,098	(1,775,766,985)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh	2,244,173,656	-	2,244,173,656	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	18,695,369,553	-	18,695,369,553	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	51,818,406,376	-	51,818,406,376	-
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	31,428,272,459	(31,428,272,459)	31,428,272,459	(31,428,272,459)
Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	17,281,041,756	-	17,281,041,756	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu Công	7,867,733,945	-	7,867,733,945	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí	79,244,845,069	-	79,244,845,069	-
Công ty Cơ khí và Xây lắp	2,845,200,000	-	2,845,200,000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	149,555,309,131	-	149,555,309,131	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Quốc Tế	66,276,227,500	-	66,276,227,500	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản	19,022,197,262	-	19,022,197,262	-
Công ty Cổ phần Đầu tư dèo Cả	175,218,750,000	-	175,218,750,000	-
Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	89,810,336,000	(89,810,336,000)	89,810,336,000	(89,810,336,000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	3,500,000,000	-	3,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sahabak	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	242,772,590,637	(108,077,080,039)	242,772,590,637	(108,077,080,039)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	51,566,075,595	(35,241,657,600)	51,566,075,595	(35,241,657,600)
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	10,396,438,618	-	10,396,438,618	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt	3,488,318,859	-	3,488,318,859	-
Công ty Cổ phần Sahabak	32,500,000,000	-	32,500,000,000	-
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	5,742,136,341	-	5,742,136,341	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ	83,990,800,000	(72,835,422,439)	83,990,800,000	(72,835,422,439)
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc	30,000,000,000	-	30,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển CIE-CMC-	1,474,200,000	-	1,474,200,000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	8,532,432,600	-	8,532,432,600	-
Công ty Chứng khoán Dầu khí	690,000,000	-	690,000,000	-
Công ty Cổ phần Gas Đô thị	1,613,940,000	-	1,613,940,000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng 1	1,695,579,072	-	1,695,579,072	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	4,500,000,000	-	4,500,000,000	-
Công ty BOT Xe điện mặt đất số 1	3,216,224,000	-	3,216,224,000	-
Đất Đồng Mô	320,985,552	-	320,985,552	-
Hầm Tam Đảo	45,460,000	-	45,460,000	-
	-	-	-	-
	1,256,061,197,895	(238,043,145,477)	1,255,061,197,895	(238,043,145,477)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/03/2016 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội	Số 59 - Phố Quang Trung - TP Hà Nội	50.36%	50.36%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ	Số 9/12 Đặng Thai Mai - Tây Hồ - Hà Nội	50.09%	50.09%	Sản xuất, kinh doanh dịch vụ Thương mại và Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Hancorp2	Xã Quảng Thịnh - Quảng Xương - Thanh Hoá	51.49%	51.49%	Xây dựng, Tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	63.64%	63.64%	KD Bất động sản, tư vấn môi giới
Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp	Tầng 7, 57 Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội.	95.52%	95.52%	Sản xuất bê tông, Vật liệu Xây dựng; Xây dựng.
Công ty TNHH MTV Hancorp 3 (*)	Hồ Chí Minh	100.00%	100.00%	Xây dựng
Công ty TNHH MTV Hantech (**)	Hà Nội	100.00%	100.00%	Tư vấn

(*): Theo Quyết định số 565/QĐ-HĐQT ngày 18/05/2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP, từ ngày 01 tháng 08 năm 2015 Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP tại Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP chuyển sang mô hình công ty TNHH Một thành viên với tên gọi là Công ty TNHH MTV Hancorp3 do Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP làm chủ sở hữu.

Công ty TNHH MTV Hancorp3 đã được cấp đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0313353719 ngày 17/07/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là: 20 tỷ đồng.

(**): Theo Quyết định số 574/QĐ-HĐQT ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP, từ ngày 01 tháng 07 năm 2015 Trung tâm Tư vấn Khoa học Công nghệ Đào tạo và Xuất nhập Khẩu là đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP chuyển sang mô hình công ty TNHH Một thành viên với tên gọi là Công ty TNHH MTV Hantech do Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP làm chủ sở hữu.

Công ty TNHH MTV Hantech đã được cấp Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV số 0106887159 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 06 năm 2015 với vốn điều lệ là: 10 tỷ đồng.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 31/03/2016 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng VIC	Lô B12/D6 Khu ĐTM Cầu Giấy - Hà Nội	37.08%	37.08%	Sản xuất và kinh doanh bê tông đúc sẵn. Xây dựng, bất động sản
Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng	Số 198 - Phố Nguyễn Tuấn - Hà Nội	30.00%	30.00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 34	Phường Nhân Chính Thanh Xuân - Hà Nội	30.61%	30.61%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư và Xây dựng	Số 145 - Đốc Ngừ - Ba Đình - TP Hà	27.00%	27.00%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	243 A La Thành - Láng Thượng - Hà Nội	25.86%	25.86%	Tư vấn, Xây dựng
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà	Tầng 1-2 Nhà B5 - Làng Quốc tế Thăng Long	36.00%	36.00%	Tư vấn, thiết kế

Văn phòng Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội - CTCP

57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/03/2016

Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	31 Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	28.07%	28.07%	Xây dựng, sản xuất bê tông
Công ty Cổ phần Xây dựng Trung Đô	Số 205 Lê Duẩn - Nghệ An	32.57%	32.57%	Xây dựng, sản xuất mua bán Vật liệu
Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội	Xã Đông Ngạc - Từ Liêm - Hà Nội	28.05%	28.05%	Xây dựng Sản xuất bê tông,
* Công ty Cổ phần Thi Công Cơ giới và Xây lắp	Số 2A- Ngõ 85 Hạ Đình- Thanh Xuân - Hà Nội	28.53%	28.53%	Xây dựng kinh doanh Vật liệu Xây dựng
* Công ty Cổ phần Xây dựng Đô thị và Khu công nghiệp Quảng Ngãi	22 Quang Trung - Lê Hồng Phong - Quảng Ngãi	26.09%	26.09%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh	48 Láng Hạ - Cầu Giấy - Hà Nội	39.33%	39.33%	Xây dựng, bất động sản, tư vấn,
Công ty Cơ khí và Xây lắp	Km 1 Quốc lộ 3- xã Mai Lâm- Đông Anh- Hà Nội	29.95%	29.95%	Cơ khí và Xây dựng
Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	Số 192 - Đường Ba La - Thị xã Hà Đông - Hà Tây	24.93%	24.93%	Sản xuất Xi măng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Quốc Tế VIGEB A	Số 45 C Giảng Võ - Ba Đình- Hà Nội	29.44%	29.44%	Xây dựng, kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	Số 98 Hồng Liên - Thanh Xuân- Hà Nội	10.00%	10.00%	Xây dựng, buôn bán Vật liệu Xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak	Làng Quốc tế Thăng Long - Dịch Vọng - Cầu Giấy - Hà Nội	27.00%	27.00%	Xây dựng, Bất động sản; Tư vấn, quản lý Bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	57 Quang Trung - Hai Bà Trưng - Hà Nội	16.25%	16.25%	Đầu tư dự án Hầm đường bộ qua Đèo Cả.
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	243 Giải phóng - Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội	26.32%	26.32%	KD Bất động sản; Xây dựng hạ tầng đô thị
Công ty Liên doanh Quốc tế Hồ Tây	Số 3 Phố Đức Chính - Ba Đình - Hà Nội	21.51%	21.51%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5	Hà Nội	25.00%	25.00%	Tư vấn

Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết: Nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ Xây dựng Hancorp5 từ các cổ đông sáng lập với giá trị 3,5 tỷ đồng. Còn các trường hợp còn lại là do phân loại sang đầu tư dài hạn khác.

Đầu tư vào đơn vị khác:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng (Investco)	Số 201 Võ Thị Sáu - Quận 3 - TP Hồ Chí Minh	19.75%	19.75%	Bất động sản, xây dựng
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	Số 243 La Thành - Đống Đa - Hà Nội	19.66%	19.66%	Xây lắp
* Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Đô thị Việt Nam	Việt Nam	1.52%	1.52%	Xây dựng
Công ty Cổ phần Sahabak	Chợ mới - Bắc Kạn	12.00%	12.00%	Sản xuất và chế biến gỗ;
Công ty Cổ phần Bạch Đằng	Ngõ 44 Hàm Tử Quan - Chương Dương - Hà Nội	18.11%	18.11%	Thi công san nền, Xây dựng, tư vấn
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Bắc Hà Nội	Hà Nội	1.50%	1.50%	Đầu tư

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ)	Số 201 Võ Thị Sáu - quận 3 - TP HCM	11.27%	11.27%	Đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế	Đà Nẵng	10.00%	10.00%	
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển CIE-CMC-	Hà Nội	2.95%	2.95%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Hà Nội	1.68%	1.68%	Bảo hiểm
Công ty Chứng khoán Dầu khí	Hà Nội	0.20%	0.20%	Chứng khoán
Công ty Cổ phần Gas Đô thị	Hà Nội	1.45%	1.45%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng 1	Hà Nội	6.08%	6.08%	Xây lắp
Công ty Cổ phần Thủy điện Tuyên Quang	Tuyên Quang	15.00%	15.00%	Thủy điện
Công ty BOT Xe điện mặt đất số 1				

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư khác:

Trong năm Tổng Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng. Các trường hợp còn lại đều tăng do phân loại lại.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty ĐT PT nhà và XD Tây Hồ	147,363,871,074	147,363,871,074
- Bưu chính VTLT kvực 3 ĐNăng	20,099,180,897	
- Bộ công an (Công trình trụ sở Bộ Công an)	85,613,454,000	165,728,409,000
- BQL DAXD ký túc xá SV đại học Qgia TP HCM	35,611,108,273	
- Ban QLDA ĐTXD nhà Quốc hội và hội trường Ba Đìnhhời	26,195,377,599	
- Nguyễn Văn An	25,463,400,000	
- Phùng Quốc Ái	23,251,835,000	
- Trần Thị Mai Anh	21,504,252,000	26,880,315,000
- Bùi Thị Thanh Bình	27,113,045,000	
- Nguyễn Duy Đôn	25,709,820,000	
- Nguyễn Xuân Đạo	21,312,592,000	26,640,740,000
- Nguyễn Mạnh Hùng	49,731,033,000	56,341,195,000
- Nguyễn Thảo Hiền	27,804,390,000	27,804,390,000
- Đặng Văn Khiết	20,173,584,000	
- Lê Xuân Trường	26,805,020,000	26,805,020,000
- Ngô Quý Thông	30,857,260,000	
- Nguyễn Thị Thu	23,758,995,000	
- Phạm Ngọc Thanh	27,414,225,000	27,414,225,000
- Hồ Minh Hoàng		27,113,045,000
- Vũ Thị Hương		27,818,080,000
- Ngô Thị Loan		30,857,260,000
- Nguyễn Anh Thư		27,961,825,000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1,070,711,540,214	1,376,963,817,443
	1,736,493,983,057	1,995,692,192,517

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp số dư lớn		
- Công ty TNHH AZBIL Việt Nam	6,441,460,011	8,965,646,586
- Công ty CP Bạch Đằng	18,186,781,567	
- C.ty CP XD Bảo tàng HCM	8,450,194,852	
- Công ty TNHH MTV Cơ giới và XD Sông Hồng	10,963,501,738	
- Cty CP PT công nghệ Con đường mới	7,911,901,232	
- Công ty CP Hancorp	255,291,751,944	200,895,049,767
- Công ty CP Đầu tư và TM Tổng hợp Quang Minh	8,727,564,240	
- Công ty CP xây dựng số 2	16,150,976,173	
- Công ty CP XD số 34	18,455,849,283	7,933,928,201
- Công ty TNHH Một thành viên Hancorp 3	18,993,956,389	10,319,582,639

C.ty TNHH Kiến trúc phong cảnh HN	7,005,426,000	-
Công ty CP ĐT XD bất động sản Lanmak	12,101,142,072	11,313,781,923
C.ty CP Lắp máy điện nước và XD	7,322,901,916	-
Cty CP thiết bị & vật liệu XD Hancorp	9,445,829,953	-
Cty CP tư vấn XD Thành Nam	8,247,778,000	8,247,778,000
Cty TNHH LD xây dựng VIC	37,397,108,866	32,397,108,866
Tổng cty tư vấn xây dựng VN(VNCC)	7,724,521,000	-
Công ty CP sản xuất xây dựng Hưng Long Phước	6,903,310,838	-
Công ty CP tư vấn và Đầu tư XD Mê Linh	8,323,577,949	-
Công ty CP Xây dựng số 1 Sông Hồng	9,550,074,377	8,497,524,038
Công ty CP tư vấn thiết kế XD KD Nhà		9,434,413,550
- Các khoản phải thu khác	132,910,875,252	160,973,281,676
	616,506,483,652	458,978,095,246

7. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hoá	216,564,789,734	-	216,564,789,734	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Bảo tàng Hồ Chí Minh: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	4,385,967,762	-	4,637,444,209	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Bê tông Xây dựng Hà Nội: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	17,589,081,030	-	17,302,131,230	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Xây lắp: cổ tức, tiền ứng trước thi công công trình, phí quản lý, phí bảo lãnh...	6,203,919,336	-	6,134,871,249	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí & Xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	25,125,419,161	-	24,768,759,161	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Hà Nội: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	6,753,424,977	-	13,809,874,977	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng số 2: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	8,073,074,770	-	7,062,482,770	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	10,419,141,381	-	13,115,799,524	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Trung đô: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	27,381,490,878	-	27,381,490,878	-
- Công ty TNHH Một thành viên Hantech	3,000,000,000	-	3,000,000,000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư Đèo Cả: Phải thu tiền lãi ứng trước...	1,318,860,903	-	1,318,860,903	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Trung đô: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...		-	3,000,000,000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	35,864,419,002	-	35,480,197,002	-
- Công ty Cổ phần Hancorp: cổ tức, phí quản lý, phí bảo lãnh...	3,653,575,661	-	1,080,000,000	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Hancorp 2: tiền ứng trước thi công công trình, phí quản lý, phí bảo	59,417,119,267	-	58,623,025,267	-
- Công ty TNHH một thành viên Hancorp3: tiền ứng trước thi công công trình, phí quản lý, phí	8,919,456,000	-	7,236,423,000	-
- Công ty Cổ phần KD vật tư & Xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	6,344,599,628	-	7,152,539,115	-

- Công ty Cổ phần Lạc Hồng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	-	1,023,161,793	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bất động sản Lanmak: tiền ứng trước thi công công	-	5,211,689,585	-
- Công ty Cổ phần Lắp máy Điện nước và Xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng	2,091,191,844	-	2,036,125,639
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	6,473,927,000	-	6,473,927,000
- Công ty Cổ phần Phát triển KT xây dựng: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	918,662,526	-	413,450,833
- Công ty Cổ phần Xây dựng đô thị và KCN: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	575,875,401	-	816,219,407
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Xây dựng Tây Hồ: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	55,004,232,083	-	54,202,792,083
- Phải thu Công ty Cổ phần Thiết bị và Vật liệu Xây dựng Hancorp: tiền ứng trước thi công công trình, lãi ứng trước ...	18,204,717,370	-	17,201,141,534
- Phải thu Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Kinh doanh Nhà: tiền ứng trước thi công	2,455,523,417	-	2,449,520,417
- Các khoản phải thu khác	38,973,463,660	-	43,438,305,731
	565,711,932,791	-	580,935,023,041

b) Dài hạn

- Ký cược, ký quỹ	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-
	1,000,000,000	-	1,000,000,000	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	1,081,620,545,529	-	999,920,904,704	-
- Hàng hóa	-	-	22,493,805	-
	1,081,620,545,529	-	999,943,398,509	-

(*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:**Chi phí sản xuất kinh doanh các dự án**

Biệt thự 28-06 DA Nhơn Trạch	633,328,552,859	588,750,242,455
Dự án BT1 đến BT6 Ngoại giao đoàn	297,285,179,000	1,857,698,718
Khu Ngoại giao đoàn	120,966,503,985	297,285,179,000
Khu đoàn ngoại giao-NO4A	153,937,002,159	105,707,557,501
DA Khu dân cư Nhơn Trạch, Đồng nai	61,139,867,715.00	122,715,932,670
Chi phí sản xuất kinh doanh các công trình xây lắp	448,291,992,670	411,170,662,249
Bệnh viện Nhi Trung ương	12,812,777,006	
Gói thầu 07- Đại học Thủy Lợi (Hưng Yên)	12,343,482,862	13,240,856,823
Gói thầu Depo05	26,785,242,885	28,237,902,178
Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1	16,972,699,646	
Dự án 2 tuyến đường ngân sách thành phố qua Dự án Ngoại giao đoàn	79,443,138,489	79,443,138,489
Gói thầu 31,33 DA239/05 BCA	7,715,924,073	7,715,924,073
Gói thầu 32, gói thầu 34 DA239/05 Bộ Công an	2,215,463,791	2,215,463,791
Dự án Khu nhà N01-NG, N02-NG Ngoại giao đoàn	59,195,100,000	59,195,100,000
Dự án Nhà ở cao tầng N01-T8-NGĐ	112,981,525,475	112,981,525,475
Công trình khác	130,639,415,449	108,140,751,420
	1,081,620,545,529	999,920,904,704

9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				
Đầu tư đất Đông Anh			560,150,000	560,150,000
			560,150,000	560,150,000

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	61,081,193,272	4,802,496,952	20,472,609,445	3,537,550,411	89,893,850,080
Số tăng trong năm		1,430,865,455			2,906,000,000
- Mua trong năm	-	1,430,865,455	1,475,134,545		2,906,000,000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Phân loại sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	-	(116,790,909)	(2,906,000,000)	-	(3,022,790,909)
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	(2,906,000,000)	-	(2,906,000,000)
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	(116,790,909)	-	-	(116,790,909)
Số dư cuối năm	61,081,193,272	6,116,571,498	17,566,609,445	3,537,550,411	89,777,059,171
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18,077,614,602	2,956,505,429	14,745,468,822	3,223,689,555	39,003,278,408
Số tăng trong năm	(1,105,777,139)	(180,844,441)	(901,955,412)	(197,187,643)	(2,385,764,636)
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển từ BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Phân loại sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	-	2,385,764,636	(3,201,159)	-	2,382,563,477
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý	-	2,291,077,762	-	-	2,291,077,762
- Điều chuyển nội bộ	-	-	-	-	-
- Phân loại lại	-	-	-	-	-
- Giảm khác (*)	-	94,686,874	(3,201,159)	-	91,485,715
Số dư cuối năm	16,971,837,463	5,161,425,624	13,840,312,251	3,026,501,912	39,000,077,249
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	43,003,578,670	1,845,991,523	5,727,140,623	313,860,856	50,890,571,672
Tại ngày cuối năm	44,109,355,809	955,145,874	3,726,297,194	511,048,499	50,776,981,922

(*): Giảm khác là các tài sản do trong năm tách các chi nhánh hạch toán phụ thuộc thành các công ty con.

. 11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1,297,200,000	117,500,000	2,772,000,000	4,186,700,000
- Số tăng trong năm	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	1,297,200,000	117,500,000	2,772,000,000	4,186,700,000
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	117,500,000	416,247,097	533,747,097
- Số tăng trong năm	-	-	115,255,000	115,255,000
- Khấu hao trong năm	-	-	115,255,000	115,255,000
- Tăng khác	-	-	-	-
- Số giảm trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	117,500,000	531,502,097	649,002,097
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	1,297,200,000	-	2,355,752,903	3,652,952,903
Tại ngày cuối năm	1,297,200,000	-	2,240,497,903	3,537,697,903

. 12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	253,011,176
- Chi phí đi vay	-	-
- Các khoản khác	-	-
	-	253,011,176
b) Dài hạn		
- Giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển (theo đánh giá cổ phần hóa)	138,225,217,766	138,225,217,766
- Chi phí mua bảo hiểm	-	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1,305,940,208	1,305,940,208
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	2,945,808,292	2,879,619,594
- Các khoản khác	-	-
	142,476,966,266	142,410,777,568

113. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		31/03/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	414,703,624,951	414,703,624,951			462,634,858,807	462,634,858,807
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	122,217,912,695	122,217,912,695	123,631,669,350	89,979,855,677	155,869,726,368	155,869,726,368
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	141,027,865,342	141,027,865,342	134,011,433,282	110,623,100,342	164,416,198,282	164,416,198,282
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hàn Thuyên)	23,591,708,401	23,591,708,401			23,591,708,401	23,591,708,401
tại Văn phòng Tổng Công ty						
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	8,618,625,101	8,618,625,101		2,845,720,932	5,772,904,169	5,772,904,169
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hàn Thuyên)	8,344,633,689	8,344,633,689		5,663,191,825	2,681,441,864	2,681,441,864
tại Công ty Xây dựng Quốc tế						
Vay cá nhân tại Văn phòng Tổng Công ty	56,752,931,997	56,752,931,997			56,752,931,997	56,752,931,997
Vay cá nhân tại Trung tâm Quản lý Điều hành Dự án Xây dựng	51,199,947,726	51,199,947,726		600,000,000	50,599,947,726	50,599,947,726
Vay cá nhân tại Công ty Xây dựng Quốc tế	2,950,000,000	2,950,000,000			2,950,000,000	2,950,000,000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	61,356,277,490	61,356,277,490			-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB Hàn Thuyên)	61,356,277,490	61,356,277,490			-	-
Ngân hàng B						
Vay dài hạn	476,059,902,441	476,059,902,441	257,643,102,632	209,711,868,776	462,634,858,807	462,634,858,807
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Hàn Thuyên	254,141,156,580	254,141,156,580		20,063,269,400	282,799,427,503	282,799,427,503
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB bank)	172,738,367,580	172,738,367,580	8,590,860,000	-	181,329,227,580	181,329,227,580
Ngân hàng TMCP BIDV Hà Nội	81,402,789,000	81,402,789,000	20,598,084,523	20,063,269,400	81,937,604,123	81,937,604,123
Trái phiếu thường			19,532,595,800		19,532,595,800	19,532,595,800
Nợ thuế tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Công ty cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN						
	254,141,156,580	254,141,156,580	48,721,540,323	20,063,269,400	282,799,427,503	282,799,427,503

. 14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4	47,009,010,754	47,009,010,754	75,367,757,513	75,367,757,513
- Công ty Cổ phần Xây dựng Lạc Hồng	51,391,570,204	51,391,570,204	57,771,222,765	57,771,222,765
- Công ty Cổ phần Bạch Đằng		-	30,001,478,381	30,001,478,381
- Công ty Cổ phần Phát triển Kỹ thuật Xây dựng	24,983,964,385	24,983,964,385	34,914,076,453	34,914,076,453
- C. ty CP thi công cơ giới XL	30,488,740,451	30,488,740,451	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	183,372,753,821	183,372,753,821	334,027,902,972	334,027,902,972
	337,246,039,615	337,246,039,615	532,082,438,084	532,082,438,084

. 15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Bệnh viện nhi Trung ương	109,194,070,113	95,194,070,113
- Ban quản lý Dự án y tế trọng điểm - Bộ Y tế	177,174,029,500	118,821,969,000
- Ban quản lý dự án Đường liên Cảng Cái Mép-Thị Vải		17,132,223,900
- Ban Quản lý tiểu Dự án Phát triển đô thị Vinh		7,352,154,566
- Ban quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	196,945,383,291	65,648,461,097
- GT05-đường sắt đô thị Hà Nội	83,207,272,774	-
- Phải trả các đối tượng khác	332,449,034,295	326,709,339,591
	898,969,789,973	630,858,218,267

. 16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Bảng ngang

. 17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	76,709,193	3,246,906,473
- Trích trước chi phí các công trình xây dựng	257,818,645,984	353,241,656,624
- Trích trước chi phí các dự án Bất động sản mà Tổng Công ty là chủ đầu tư	644,021,982,889	647,746,588,320
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	-	-
- Chi phí phải trả khác	13,370,952,133	229,202,050
	915,288,290,199	1,004,464,353,467
	-	-

. 18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
	42,460	-

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Điều chỉnh khác (*)	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	4,135,498,235	13,147,543,806	17,283,042,041	-	-	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	10,055,257,409	-	11,570,643,494	-	-	(1,515,386,085)
- Thuế thu nhập cá nhân	-	1,150,913,542	104,080,680	114,396,000	-	-	1,140,598,222
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	971,373,447,900	-	-	-	-	971,373,447,900
- Các loại thuế khác	-	37,062,909,114	-	1,699,172,492	2,732,665,445	-	32,631,071,177
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7,017,735,769	-	-	-	-	7,017,735,769
	-	1,030,795,761,969	13,251,624,486	30,667,254,027	2,732,665,445	-	1,010,647,466,983

a) Ngắn hạn

Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn		578,957,038
Bảo hiểm xã hội		237,709,942
Bảo hiểm y tế		8,506,682
Bảo hiểm thất nghiệp		83,333,648
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	128,356,250	798,009,886
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		-
- Các khoản phải trả phải nộp khác		
Phải trả Công ty Cổ phần Quốc tế VIGEB A	7,886,062,222	7,886,062,222
Phải trả Dự án Tổ hợp nhà ở đa năng 28 tầng LQTTL	3,470,592,374	3,470,592,374
Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho người lao động khi cổ phần hóa	5,119,935,318	5,119,935,318
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Xi măng Mỹ Đức	7,200,000,000	7,200,000,000
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Sahabak	5,000,000,000	5,000,000,000
Phải trả tiền nhận góp vốn hộ vào Công ty Cổ phần Bất động sản Hancorp	680,000,000	680,000,000
Phải trả khác	7,769,716,066	34,314,665,870
	37,254,662,230	65,377,772,980

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**b) Dài hạn**

- TTTM khối 3 tầng Dự án tổ hợp Chung cư 28 tầng Làng Quốc tế Thăng Long	184,375,942,307	184,375,942,307
- Doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án nhà công vụ N04A Ngoại giao đoàn	182,563,142,386	119,160,238,748
- Doanh thu cho thuê nhà (Xí nghiệp Dịch vụ)	-	-
	366,939,084,693	303,536,181,055

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	1,410,480,000,000		49,732,700,293	1,460,212,700,293
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	98,326,022,814	98,326,022,814
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	5,413,630,964	(42,644,061,928)	(37,230,430,964)
Bàn giao sang Công ty con	-	-	2,341,749,063	2,341,749,063
Số dư cuối năm trước	1,410,480,000,000	5,413,630,964	107,756,410,242	1,523,650,041,206
Số dư đầu năm nay	1,410,480,000,000	5,413,630,964	107,756,410,242	1,523,650,041,206
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	993,412,051	993,412,051
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Bàn giao sang Công ty con	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1,410,480,000,000	5,413,630,964	108,749,822,293	1,524,643,453,257
CDKT	1,410,480,000,000	5,413,630,964	121,590,269,631	1,537,483,900,595
CL	-	-	12,840,447,338	12,840,447,338

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
----------------	------------	---------------	------------

Nhà nước (Bộ Xây Dựng)	1,393,996,080,000	98.83%	1,393,996,080,000	98.83%
Các cổ đông khác:	16,483,920,000	1.17%	16,483,920,000	1.17%

d) Cổ phiếu

<u>1,410,480,000,000</u>	<u>100</u>	<u>1,410,480,000,000</u>	<u>100</u>
--------------------------	------------	--------------------------	------------

	31/03/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	141,048,000	141,048,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141,048,000	141,048,000
- Cổ phiếu phổ thông	141,048,000	141,048,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141,048,000	141,048,000
- Cổ phiếu phổ thông	141,048,000	141,048,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10,000	10,000

e) Các quỹ của Tổng Công ty

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5,413,630,964	5,413,630,964
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<u>5,413,630,964</u>	<u>5,413,630,964</u>

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp vật tư		44,444,494,457
Doanh thu cung cấp dịch vụ		29,095,259,671
Doanh thu kinh doanh bất động sản		947,543,501,576
Doanh thu hợp đồng xây dựng	73,872,875,240	1,388,602,931,810
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	-	-
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính	-	-
Doanh thu khác	-	-
	<u>73,872,875,240</u>	<u>2,409,686,187,514</u>

[Trường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, Công ty phải thuyết minh thêm để so sánh sự khác biệt giữa việc

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa, vật tư		44,412,816,956
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		9,384,128,838
Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư		796,966,073,882
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	72,107,047,864	1,373,407,295,631
	<u>72,107,047,864</u>	<u>2,224,170,315,307</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7,225,275,652	10,583,585,455

Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		40,495,738,333
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	7,225,275,652	51,079,323,788

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	2,044,057,397	28,128,894,354
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		-
Chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính		747,062,543
	2,044,057,397	28,875,956,897

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		480,417,123
Chi phí nhân công	3,978,259,000	26,611,956,705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321,929,577	8,722,769,540
Chi phí dự phòng		157,169,358
Thuế, phí, và lệ phí		2,768,597,803
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,656,758,638	15,942,069,947
Chi phí khác bằng tiền		28,624,559,178
	7,956,947,215	83,307,539,654

26. THU NHẬP KHÁC

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		29,625,339
Thu nhập từ thu tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu	2,662,180,903	10,649,439,209
Cho thuê văn phòng, địa điểm		1,439,877,502
Thu tiền nước thu các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long		4,520,338,953
Chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho Hancorp5		3,500,000,000
Thu nhập khác		472,962,442
	2,662,180,903	20,612,243,445

27. CHI PHÍ KHÁC

	31/03/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí tiền điện của các nhà đầu tư thứ cấp, nhà thầu		10,409,729,287
Khấu hao TSCĐ không dùng		244,491,882
Chi phí tiền nước chi hộ các hộ dân tại Làng Quốc tế Thăng Long		4,358,556,739
Lãi chậm trả		-
Phạt thuế theo biên bản quyết toán thuế, phạt khác		2,678,620,017
Chi phí khác	661,164,144	3,086,340,972
	661,164,144	20,777,738,897

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Lập ngày 20 tháng 04 năm 2016

Người lập biểu



Nguyễn Quang Huy

Kế toán trưởng



Dương Ngọc Quang



Tổng Giám đốc

Đậu Văn Điện